

Bản án số: 61/2022/HS-PT
Ngày: 19 - 01- 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N1**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn

Bà Trần Thị Thu Thủy

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 352/2021/TLPT-HS ngày 18 tháng 06 năm 2021 đối với bị cáo Phạm Tấn P và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2021/HSST ngày 29 tháng 04 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Tấn P, sinh năm 1987 tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp S, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh; chỗ ở hiện nay: khu phố S1, phường A,, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: công N2; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N1; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt N1; cha: Phạm Hữu T1, sinh năm 1939; mẹ: Nguyễn Thị C1, sinh năm 1953; vợ: Nguyễn Thị Thu T2, sinh năm 1989; con: có 02 người, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không có; bị tạm giữ từ ngày 22-7-2020, chuyển tạm giam từ ngày 31-7-2020 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. Dương Thị Kim L, sinh năm 1986, nơi sinh tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp G, xã B, thành phố T3, tỉnh Tây Ninh; chỗ ở hiện nay: khu phố A1, phường A2, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: công N2; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt N1; cha: Dương Văn H1, sinh năm 1965; mẹ: Lê Thị N, sinh năm 1964;

chồng: Lâm Anh T4, sinh năm 1979 (đã ly hôn); con: có 01 người, sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: không có; bị tạm giữ từ ngày 22-7-2020, chuyển tạm giam từ ngày 31-7-2020 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

3. Hà Văn K, sinh năm 1988, nơi sinh tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp T5, xã T6, huyện T7, tỉnh Tây Ninh; chỗ ở hiện nay: khu phố A1, phường A2, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: công N2; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N1; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt N1; cha: Hà Văn B, sinh năm 1947; mẹ: Nguyễn Thị B1, sinh năm 1954; vợ: Võ Thị Thu V, sinh năm 1983 (đã ly hôn); con: có 01 người, sinh năm 2012; tiền án: không có;

Tiền sự: tại Quyết định số: 54/QĐ-XPHC, ngày 23-6-2020 Trưởng Công an huyện T7, tỉnh Tây Ninh xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”, K chưa nộp phạt;

Bị tạm giữ từ ngày 22-7-2020, chuyển tạm giam từ ngày 31-7-2020 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Phạm Tấn Đ, sinh năm 1998, nơi sinh tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: khu phố A3, phường A4, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N1; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt N1; cha: Nguyễn Ngọc A5, sinh năm 1968; mẹ: Phạm Thị U, sinh năm 1970; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không có; bị tạm giữ từ ngày 24-7-2020, chuyển tạm giam từ ngày 31-7-2020 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

5. Lê Quốc N1 (tên gọi khác: N2), sinh năm 2000, nơi sinh tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: khu phố L1, phường G1, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N1; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt N1; cha: Lê Văn T8, sinh năm 1955 (đã chết); mẹ: Đỗ Thị G2, sinh năm 1961; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không có; bị tạm giữ từ ngày 22-7-2020, chuyển tạm giam từ ngày 31-7-2020 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Văn C1, sinh năm 1991, nơi sinh tỉnh Kiên Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp lô 12, xã V1, huyện U1, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở hiện nay: khu phố A6, phường 2, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N1; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt N1; cha: Nguyễn Văn X, sinh năm 1955; mẹ: Nguyễn Thị G3, sinh năm 1955; vợ, con: chưa có;

Tiền án: tại Bản án Hình sự sơ thẩm số: 18/2015/HSST ngày 26-5-2015, Tòa án nhân dân huyện V2, tỉnh Kiên Giang áp dụng điểm a khoản 2 Điều 202; khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự, xử phạt C1 03 năm tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”; buộc C1 bồi

thường cho gia đình bị hại số tiền 53.680.000 đồng; án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm 2.684.000 đồng; Bản án Hình sự phúc thẩm số: 212/2015/HSPT ngày 15-9-2015, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang tuyên y án sơ thẩm, án phí hình sự phúc thẩm 200.000 đồng. Nguyễn Văn C1 đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 03-02-2018; phân trách nhiệm dân sự và án phí chưa thi hành; căn cứ khoản 2 Điều 69 và khoản 2 Điều 70 của Bộ luật Hình sự, C1 chưa được xóa án tích; tiền sự: không có;

Bị tạm giữ từ ngày 22-7-2020, chuyển tạm giam từ ngày 31-7-2020 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

7. Nguyễn Nhựt T9 (tên gọi khác: Phục H2), sinh năm 1999, nơi sinh tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: khu phố A3, phường A4, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N1; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt N1; cha: Nguyễn Văn N3, sinh năm 1972; mẹ: Trần Thị Mỹ L2, sinh năm 1974; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không có; bị tạm giữ từ ngày 24-7-2020, chuyển tạm giam từ ngày 31-7-2020 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

8. Lê Văn K1, sinh năm 2001, nơi sinh tỉnh Kiên Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp lô 12, xã V1, huyện U1, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở hiện nay: khu phố A6, phường 2, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: công N2; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N1; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt N1; cha: Lê Văn L3, sinh năm 1982; mẹ: Nguyễn Thị T10, sinh năm 1980; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không có; bị tạm giữ từ ngày 22-7-2020, chuyển tạm giam từ ngày 31-7-2020 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

9. Trần Văn V3, sinh năm 1992, nơi sinh tỉnh Đồng Tháp; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp L4, xã H3, huyện L5, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở hiện nay: khu phố A6, phường 2, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N1; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt N1; cha: Trần Văn H6, sinh năm 1959; mẹ: Nguyễn Thị S2, sinh năm 1961; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không có; bị tạm giữ từ ngày 22-7-2020, chuyển tạm giam từ ngày 31-7-2020 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

10. Quách Ngọc H4, sinh năm 1997, nơi sinh tỉnh Cà Mau; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 3, xã K2, huyện U2, tỉnh Cà Mau; chỗ ở hiện nay: khu phố A6, phường 2, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: công N2; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N1; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt N1; cha: Quách Văn C2, sinh năm 1972; mẹ: Châu Thị H5, sinh năm 1972; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không có; bị bắt tạm giam từ ngày 12-01-2021 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Nhật T9, Lê Văn K1, Trần Văn V3, Quách Ngọc H4: Luật sư Trần Thị T và luật sư Trần Thị Thùy Tr, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Phạm Tấn P, Dương Thị Kim L, Hà Văn K, Nguyễn Phạm Tấn Đ, Lê Quốc N1, Nguyễn Văn C1: Luật sư Vũ Thanh H, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

- Người bào chữa theo yêu cầu của bị cáo Dương Thị Kim L: Luật sư Lê Nguyễn Kim H, thuộc Đoàn Luật sư Tây Ninh (có mặt)

- Người bào chữa theo yêu cầu của bị cáo Quách Ngọc H4: Luật sư Trần Tuấn A, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh (có mặt)

- Bị hại: anh Nguyễn Trung T11, sinh năm 1981 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp cho bị hại Nguyễn Trung T11 có kháng cáo: Chị Võ Lệ G4 (em cùng mẹ khác cha), sinh năm 1994; cư trú tại: ấp B2, xã P2, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của chị Võ Lệ G4: anh Nguyễn Đức T12, sinh năm 1979; cư trú tại: khu phố A7, phường A4, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Thị Kim L và Nguyễn Trung T11, sinh năm 1981, trú tại khu phố A7, phường A4, thị xã T, tỉnh Tây Ninh có quan hệ tình cảm và chung sống như vợ chồng từ năm 2018. Đến tháng 5-2020, Dương Thị Kim L quen biết và thuê phòng trọ chung sống như vợ chồng với Hà Văn K tại khu phố A1, phường A2, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Do ghen tuông nên T11 nhiều lần tìm đến phòng trọ để đánh L và K. Ngày 18-7-2020, L, K kể lại sự việc trên cho Phạm Tấn P là người làm chung Công ty với L, K nghe và nhờ P đánh dần mặt để T11 không đến gây sự với L và K; P đồng ý.

Khoảng 18 giờ ngày 19-7-2020, T11 đến phòng trọ của L và K kêu cửa, gây sự nhưng L và K đóng cửa, T11 không vào được nên bỏ đi. Lúc này, L kêu K điện thoại cho P đến để đánh dần mặt T11. Sau khi nhận cuộc gọi, P điện thoại cho Nguyễn Văn C1 và Lê Quốc N1 kêu đến quán nước mía gần nhà trọ của L và K để đánh T11 thì cả hai đồng ý; C1 rủ Trần Văn V3, Quách Ngọc H4 và Lê Văn K1; N1 điện thoại kêu Nguyễn Nhật T9 và T9 rủ thêm Nguyễn Phạm Tấn Đ. Khi đến quán nước mía tại điểm hẹn, tất cả đồng ý đi đánh T11. H4 nhờ K1 gọi điện thoại cho Nguyễn Ngọc Chí N4 để đưa xe cho H4 đi đánh nhau. Nghe vậy, N4 đồng ý tham gia.

Sau khi tất cả đã tập trung, K gọi điện thoại cho T11 hẹn địa điểm để gặp nhau thì T11 đồng ý. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T11 điều khiển xe mô-tô chạy ngang qua quán nước mía thì L nhìn thấy, la lên và chỉ cho cả nhóm biết nhận dạng của T11 để đuổi đánh. Lúc này, P cầm theo 01 cái cò-lê 21 (chìa khóa sửa xe), C1 và N1 cầm theo 01 khúc mía rồi cả nhóm cùng đuổi theo. K1 điều khiển xe mô-tô, biển số 69H1-318.47 của H4 chở H4; P điều khiển xe mô-tô, biển số 84M1-078.22 chở N1 và V3; Đ điều khiển xe mô-tô chở T9; C1 và N4 chạy bộ theo sau. Riêng K và L không đuổi theo mà quay về phòng trọ chờ.

T11 điều khiển xe mô-tô chạy được khoảng 300 mét thì K1 và P điều khiển xe đuổi theo kịp, chặn xe T11. N1 và H4 xuống xe đánh T11, lúc này T11 dùng dao tự chế mang theo sẵn chém trả trúng tay H4 và N1, rồi tiếp tục bỏ chạy. Thấy vậy, N1 vào tiệm tạp hóa “S3” lấy 02 cây dao chặt dừa, T9 vào tiệm sửa xe “H7” lấy 01 phuộc xe mô-tô, K1 lấy 01 cây gậy 3 khúc rồi cùng với C1, V3, Đ tiếp tục đuổi theo T11. N1 dùng dao chém nhiều cái trúng vào lưng của T11; T11 bỏ chạy vào tiệm thuốc tây “T13” để trốn. N1, K1, V3, T9, C1 xông vào dùng dao, gậy 3 khúc, phuộc xe, cây mía, nón bảo hiểm để đánh T11; T11 chống đỡ và bỏ chạy ra dãy nhà trọ phía sau tiệm thuốc thì bị té ngã. K1 xông đến cầm gậy 3 khúc đánh vào vùng lưng và vai của T11; Đ dùng nón bảo hiểm đánh vào vùng vai trái và thái dương trái của T11; T9 cầm phuộc xe đánh vào vùng chân của T11; N1 dùng dao chém vào vùng lưng của T11; V3 cầm nón bảo hiểm đánh vào vùng vai trái của T11; C1 cầm khúc mía cùng đánh T11; khi T11 bất tỉnh thì tất cả bỏ đi.

Riêng P được Cao Văn T14 đưa cho 01 con dao tại quán “Ốc Đêm” và dùng xe mô-tô chở đến sau thì gặp N4 cũng đang chạy đến. Khi đến nơi thì thấy T11 đã bất tỉnh nên cả nhóm bỏ về. T11 được người dân đưa đến Bệnh viện Đa khoa khu vực C3 cấp cứu. Đến ngày 21-7-2020, T11 tử vong.

Ngày 22-7-2020 và 24-7-2020, Dương Thị Kim L, Hà Văn K, Phạm Tấn P, Nguyễn Văn C1, Trần Văn V3, Lê Văn K1, Lê Quốc N1, Nguyễn Nhật T9, Nguyễn Phạm Tấn Đ đến Công an thị xã T đầu thú.

- Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi đối với Nguyễn Trung T11 số: 145/2020/TT ngày 08-9-2020 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Tây Ninh, kết luận: Nguyễn N2 chết: chấn thương sọ não do bị đánh.

- Tại Bản kết luận giám định pháp y về mô bệnh học số: 04.409/MBH-20 ngày 20-8-2020 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh đối với Nguyễn Trung T11, kết luận: chảy máu dưới nhện; dập vỏ não; tổn thương cơ tim cấp dạng tăng co; dập và phù phổi cấp rải rác.

- Tại Bản kết luận giám định pháp y về hóa pháp số: MST608/ĐC.2020 ngày 18-8-2020 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh đối với Nguyễn Trung T11, kết luận:

+ Mẫu máu, phủ tạng: không P hiện các chất thường gặp.

+ Mẫu chất chứa trong dạ dày: không P hiện các chất thường gặp; định tính Xyanua, Photphua: âm tính.

- Tại Kết luận giám định số: 1282/KL-KTHS ngày 02-9-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh, kết luận: 03 vết màu nâu đỏ tại vị trí số 01, 02, 03 ghi thu bằng gạc y tế là máu người, không xác định được nhóm máu vì dấu vết ít; 01 vết màu nâu đỏ tại vị trí số 04 ghi thu bằng gạc y tế là máu người, nhóm máu A.

** Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2021/HSST ngày 29 tháng 04 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, quyết định:*

1. Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Tấn P 18 (mười tám) năm tù về tội “Giết người”; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 22-7-2020.

2. Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Thị Kim L 18 (mười tám) năm tù về tội “Giết người”; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 22-7-2020.

3. Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hà Văn K 18 (mười tám) năm tù về tội “Giết người”; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 22-7-2020.

4. Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Phạm Tấn Đ 17 (mười bảy) năm tù về tội “Giết người”; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 24-7-2020.

5. Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Quốc N1 15 (mười lăm) năm tù về tội “Giết người”; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 22-7-2020.

6. Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h, e khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C1 15 (mười lăm) năm tù về tội “Giết người”; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 22-7-2020.

7. Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhựt T9 16 (mười sáu) năm tù về tội “Giết người”; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 24-7-2020.

8. Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn K1 16 (mười sáu) năm tù về tội “Giết người”; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 22-7-2020.

9. Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn V3 16 (mười sáu) năm tù về tội “Giết người”; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 22-7-2020.

10. Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Quách Ngọc H4 13 (mười ba) năm tù về tội “Giết người”; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 12-01-2021.

11. Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 15, 38, 57 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Cao Văn T14 09 (chín) năm tù về tội “Giết người”; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 12-01-2021.

12. Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 15; khoản 1 Điều 54; Điều 91; khoản 1 Điều 101; Điều 38; 57 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Chí N4 06 (sáu) năm tù về tội “Giết người”; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 12-01-2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, việc thi hành án và án phí theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Phạm Tấn P, Dương Thị Kim L, Hà Văn K, Nguyễn Phạm Tấn Đ, Lê Quốc N1, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Nhựt T9, Lê Văn K1, Trần Văn V3, Quách Ngọc H4 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Phạm Tấn P, Lê Quốc N1 và bị cáo Quách Ngọc H4 xin nhận lại xe mô tô.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có quan điểm như sau:*

Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, mang tính côn đồ. Vì vậy, cần có mức hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo.

Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ nào mới, vì vậy không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

** Các Luật sư bào chữa cho các bị cáo có yêu cầu kháng cáo trình bày quan điểm tranh luận như sau:*

+ Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Tấn P:

Vai trò của các bị cáo không mang tính tổ chức, hành vi của các bị cáo chỉ là nhất thời, đơn giản chỉ là rủ nhau đi đánh rần mặt, bị cáo P không chủ động chuẩn bị hung khí, bị cáo không T11 tiếp gây ra cái chết cho người bị hại.

+ Luật sư bào chữa cho bị cáo Dương Thị Kim L:

Mức hình phạt Tòa cấp sơ thẩm xử bị cáo này là quá nặng, nên tha thiết đề nghị Hội đồng xét xử khoan hồng đối với bị cáo L.

Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá đúng vai trò của bị cáo L. Trong vụ án này, nguyên N2 chính là từ phía bị hại. Anh T11 đã gây sự với bị cáo, cầm dao đe dọa nên bị cáo phải bỏ trốn, trước đó anh T11 đã gây hấn, hăm dọa bị cáo nhiều lần. Và ngày hôm đó, chính anh T11 là người đã chuẩn bị dao. Ở T9 hợp này, bị cáo L cũng chỉ than phiền về việc anh T11 gây hấn. Bị cáo không có ý thức đánh chết anh T11, bị cáo hoàn toàn bất ngờ với hậu quả xảy ra.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L.

+ Luật sư bào chữa cho các bị cáo còn lại cho rằng: Cấp sơ thẩm chưa đánh giá nhận thức pháp luật của các bị cáo, các bị cáo đều có nhận thức pháp luật hạn chế và có khiếm khuyết trong hành vi của mình. Mức án mà cấp sơ thẩm là quá nghiêm khắc. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hành vi của các bị cáo chỉ cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”.

Riêng luật sư bào chữa cho bị cáo H4 có quan điểm cho rằng: Về N2 thân bị cáo H4 gia đình có công với cách mạng; người bị hại có lỗi dùng dao chém bị cáo H4 trước, thể hiện người bị hại có hành vi chủ động và mang tính côn đồ. Chính hành vi của bị hại đã kích động các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo H4 không bàn bạc, tính chất đồng phạm hạn chế, không phải là nguyên N2 gây ra cái chết cho người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Có thể nói, đây là vụ án mang tính chất đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, có nhiều người tham gia, quá trình thực hiện tội phạm của các bị cáo mang tính manh động, hết sức côn đồ và cố tình thực hiện tội phạm đến cùng; hành vi này đã tước đi tính mạng của anh T11, gây đau thương cho gia đình nạn N2 đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa phương, nên cần phải nghiêm trị.

[2] Căn cứ các chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án thể hiện: Do bức tức bị Nguyễn Trung T11 chặn đường và đến phòng trọ gây sự vì bị cắt đứt tình cảm, nên Dương Thị Kim L và Hà Văn K bàn bạc thống nhất nhờ Phạm Tấn P đánh anh T11. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 19-7-2020, P rủ Nguyễn Văn C1 và

Lê Quốc N1; sau đó C1 rủ thêm V3, H4, K1 cùng tham gia (K1 nhờ H4 điện thoại cho N4 chạy xe mô-tô cùng đến); N1 rủ thêm Nguyễn Nhật T9; sau đó T9 rủ thêm Đ cùng tham gia; lúc này có mặt tại quán nước mía, gồm: Phát, L, K, Đ, N1, T9, K1, V3, C1, H4, N4. P có truyền Đ cho cả nhóm cùng nghe về sự việc L, K bị T11 gây sự; khi thấy anh T11 chạy qua chỗ cả nhóm đang ngồi uống nước mía, L tri hô và chỉ anh T11 thì Phát, H4, Đ, N1, T9, K1, V3 và C1 đã đuổi theo và dùng dao, gây 3 khúc, phuộc xe mô-tô, nón bảo hiểm, cây mía đánh, chém nhiều cái vào vùng đầu, vai, lưng, chân của T11, khiến T11 tử vong do chấn thương sọ não.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo có kháng cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội như bản án cấp sơ thẩm đã nhận định. Từ đó, có đủ cơ sở xác định, việc Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo Phạm Tấn P, Dương Thị Kim L, Hà Văn K, Lê Quốc N1, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Nhật T9, Nguyễn Phạm Tấn Đ, Trần Văn V3, Lê Văn K1, Quách Ngọc H4 (và Nguyễn Ngọc Chí N4, Cao Văn T14) phạm tội “Giết người”, theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích và đánh giá đúng vai trò, tính chất, mức độ của từng bị cáo trong quá trình thực hiện tội phạm; cũng như đã xem xét, đánh giá và cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng và N2 thân của từng bị cáo theo đúng quy định của pháp luật. Từ đó cho thấy, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với các bị cáo là phù hợp và cần thiết cho yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và người bị hại xin giảm hình phạt cho bị cáo N1, nhưng không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nào mới, vì vậy không có cơ sở để chấp nhận những yêu cầu này.

[4] Đối với yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Phạm Tấn P, Quách Ngọc H4 và Lê Quốc N1 đề nghị xin nhận lại xe mô tô thấy rằng: Đây là công cụ, phương tiện mà bị cáo này sử dụng trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, đồng thời xe mô tô này không thể hiện đầy đủ các thông tin, đặc điểm theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 8 của Thông tư số 58/2020/BCA ngày 16/6/2020 của Bộ Công an, nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên tịch thu là đúng quy định của pháp luật. Nên yêu cầu kháng cáo của bị cáo H4, Phát, N1 về nội dung này là không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Quan điểm của các Luật sư bào chữa theo đó là không có cơ sở chấp nhận.

[7] Do kháng cáo không được chấp nhận, vì vậy các bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Phạm Tấn P, Dương Thị Kim L, Hà Văn K, Nguyễn Phạm Tấn Đ, Lê Quốc N1, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Nhựt T9, Lê Văn K1, Trần Văn V3, Quách Ngọc H4.

Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2021/HS-ST ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Tuyên xử:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Tấn P, Dương Thị Kim L, Hà Văn K, Nguyễn Phạm Tấn Đ, Lê Quốc N1, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Nhựt T9, Lê Văn K1, Trần Văn V3, Quách Ngọc H4 phạm tội “Giết người”.

1. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Tấn P 18 (mười tám) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 22-7-2020.

2. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Thị Kim L 18 (mười tám) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 22-7-2020.

3. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hà Văn K 18 (mười tám) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 22-7-2020.

4. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phạm Tấn Đ 17 (mười bảy) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 24-7-2020.

5. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Quốc N1 15 (mười lăm) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 22-7-2020.

6. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h, e khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C1 15 (mười lăm) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 22-7-2020.

7. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhật T9 16 (mười sáu) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 24-7-2020.

8. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn K1 16 (mười sáu) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 22-7-2020.

9. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn V3 16 (mười sáu) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 22-7-2020.

10. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Quách Ngọc H4 13 (mười ba) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 12-01-2021.

* Tiếp tục giam giữ các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu các tài sản sau đây để sung vào ngân sách Nhà nước:

- Của bị cáo N1: 01 xe mô-tô, nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, màu xanh, biển số 70L1-767.65, số máy G3F6F0560574, số khung MH34G0750LK053745 (Qua kiểm tra thực tế là xe mô-tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe MXKing, màu xanh, biển số biển số 70L1-767.65, số máy G3F6F0560574, số khung MH34G0750LK053745);

- Của bị cáo Phát: 01 xe mô-tô, nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, màu đỏ đen, biển số 84M1-078.22, số máy G3D4E621661, số khung 0610H4596529 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô-tô, biển số 84M1-078.22;

- Của bị cáo H4: 01 xe mô-tô, nhãn hiệu Honda, loại xe Winner X, màu xanh-bạc-đen, biển số 69H1-318.47, số máy KC34E1024299, số khung 370XKY010143;

Do đặc thù của 03 chiếc xe này không thể hiện đầy đủ các thông tin, đặc điểm theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 8 của Thông tư số: 58/2020/BCA

ngày 16-6-2020 của Bộ Công an nên Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản theo hướng bán phụ tùng;

* Về án phí: Các Phạm Tấn P, Dương Thị Kim L, Hà Văn K, Nguyễn Phạm Tấn Đ, Lê Quốc N1, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Nhật T9, Lê Văn K1, Trần Văn V3, Quách Ngọc H4 phải chịu án phí phúc thẩm, mỗi bị cáo 200.000 đồng.

* Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Văn

Trần Thị Thu Thủy

Phạm Công Mười

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Công an tỉnh Tây Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh;
- Trại tạm giam tỉnh Tây Ninh;
- Trại tạm giam tỉnh Tây Ninh;
- (Để tổng Đ Bản án cho các bị cáo)
- Bị hại;
- Lưu: HS, VP, 35bTNB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Công Mười